

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HS-ST
Ngày 21 - 3 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ninh Ngọc Tú

Ông Trần Quốc An

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyết - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Mã Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2019 tại nhà văn hóa xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2019/TLST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2019 đối với các bị cáo:

Chu Văn L, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2000 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn C, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Văn T và con bà Phạm Thị L; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Đã bị xử lý hành chính tại Quyết định số 09/QĐ-TA ngày 14/10/2015 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, quyết định đưa Chu Văn L vào Trường giáo dưỡng trong thời gian 02 năm, đã chấp hành xong ngày 16/10/2017; bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 27/12/2018 cho đến nay, có mặt.

Kim Văn D, sinh ngày 07 tháng 11 năm 1999 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kim Văn D và bà Đào Thị H (đã chết); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: năm 2015 bị Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm

hành chính về hành vi trộm cắp tài sản; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/01/2019 đến nay, có mặt.

- *Bị hại:* Ông Phùng Văn B, sinh năm 1978; trú tại: Thôn Đ, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Đỗ Đình K, sinh năm 1989; trú tại: Số *, đường X, khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đêm ngày 24/12/2018 Chu Văn L, Kim Văn D và Phùng Tiến N (em họ của Phùng Văn B) đến ngủ nhờ nhà Phùng Văn B tại thôn Đ, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Sáng ngày 25/12/2018 cả nhà Phùng Văn B và Phùng Tiến N đều đi làm, còn Chu Văn L, Kim Văn D vẫn ngủ.

Khoảng 09 giờ cùng ngày, Chu Văn L thức dậy đi lên nhà chính của Phùng Văn B tìm áo ấm để mặc thì thấy chiếc áo khoác màu nâu của anh Phùng Văn B treo tại cây treo quần áo cạnh giường ngủ, Chu Văn L lấy chiếc áo xuống định mặc thì phát hiện trong túi áo trước ngực có một cọc tiền mệnh giá 500.000đ/tờ. Do đang nợ tiền chơi điện tử nên Chu Văn L đã nảy sinh ý định lấy trộm tiền để trả nợ và sử dụng cho mục đích cá nhân, nên đã rút trộm một phần cọc tiền, phần còn lại Chu Văn L để lại trong túi áo rồi treo áo lên như cũ. Sau đó Chu Văn L đi xuống nhà ngang gọi Kim Văn D dậy để ra thị trấn H chơi điện tử nhưng Kim Văn D không dậy nên Chu Văn L đi một mình. Khi ra đến Quốc lộ 1A, Chu Văn L lấy tiền vừa trộm ra đếm được 6.000.000đ (sáu triệu đồng), gồm 12 tờ tiền loại polime mệnh giá 500.000đ/tờ. Chu Văn L đi đến quán điện tử H của anh Đỗ Đình K ở số *, đường X, khu T, thị trấn H, trả nợ tiền chơi điện tử cho anh Đỗ Đình K 560.000đ, sau đó Chu Văn L đi mua quần áo, ăn uống rồi lại đến quán điện tử H chơi điện tử.

Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, anh Phùng Văn B phát hiện bị mất tiền nên bảo con trai là Phùng Văn G đi tìm Kim Văn D, Chu Văn L và Phùng Tiến N để hỏi. Khi Phùng Văn G đến quán điện tử H thấy Kim Văn D, Chu Văn L và Phùng Tiến N đang chơi điện tử, Phùng Văn G hỏi về số tiền bố mình mất trộm nhưng Phùng Tiến N và Kim Văn D nói không biết. Phùng Văn G hỏi và đề nghị kiểm tra túi của Chu Văn L nhưng Chu Văn L không cho kiểm tra. Lợi dụng lúc mọi người không để ý, Chu Văn L đi vào gian bếp phía trong quán, lấy số tiền trộm cắp còn lại giấu vào khe hở giữa bàn bếp và tủ lạnh của quán rồi đi ra khỏi quán.

Khoảng nửa tiếng sau Chu Văn L nhắn tin trên Facebook cho Kim Văn D, chỉ chỗ giấu tiền và nhờ D lấy hộ số tiền Chu Văn L đã giấu tại quán H đem đến ngõ *, đường X, khu T, thị trấn H, huyện H cho Chu Văn L, thấy Chu Văn L đếm được 3.000.000đ (ba triệu đồng) toàn tiền Polyme mệnh giá 500.000đ/tờ,

lại biết nhà anh Phùng Văn B mất tiền và thái độ của Chu Văn L khi không cho Phùng Văn G kiểm tra túi, Kim Văn D đã nghi Chu Văn L là người trộm tiền nhà anh Phùng Văn B nên hỏi Chu Văn L “mày trộm tiền nhà ông B phải không?” thì Chu Văn L trả lời “ừ”, Kim Văn D hỏi số tiền còn lại đâu, Chu Văn L nói “trả nợ và mua quần áo hết rồi”. Sau đó Chu Văn L bảo phải đi Bắc Giang có việc và hẹn Kim Văn D mai xuống Bắc Giang. Kim Văn D bảo hết tiền rồi, Chu Văn L đã lấy 01 tờ tiền mệnh giá 500.000đ trong số tiền trộm cấp đưa cho Kim Văn D và ra Quốc lộ 1A đi xe khách xuống Khu công nghiệp Đ thuộc tỉnh Bắc Giang để trốn. Toàn bộ số tiền tộm cấp được Chu Văn L đã sử dụng cho mục đích cá nhân, đến ngày bị bắt chỉ còn 690.000đ Chu Văn L đã giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Đối với Kim Văn D được Chu Văn L đưa cho 500.000đ trong số tiền trộm cấp có được, Kim Văn D biết rõ là tiền do Chu Văn L phạm tội mà có nhưng vẫn lấy và đã sử dụng tiêu sài cá nhân hết. Sau khi Kim Văn D biết Chu Văn L đã bị phát hiện bắt giữ ngày 28/12/2018, Kim Văn D đã tự nguyện giao nộp 500.000đ cho Cơ quan điều tra.

Anh Đỗ Đình K chủ quán điện tử H được Chu Văn L trả nợ 560.000đ, ngày 27/12/2018 khi biết là tiền do Chu Văn L trộm cấp mà có anh Đỗ Đình K đã tự nguyện giao nộp số tiền trên cho Cơ quan điều tra và do khi nhận tiền trả nợ, anh Đỗ Đình K không biết là tiền do Chu Văn L phạm tội mà có nên không đề cập xem xét.

Tại bản cáo trạng số 16/CT-VKSHL-HS ngày 01/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, đã truy tố bị cáo Chu Văn L về Tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Kim Văn D về Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Chu Văn L, Kim Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi của bản thân đúng như cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, bị hại anh Phùng Văn B trình bày: Chiều ngày 25/12/2018 khi phát hiện mất số tiền 6.000.000đ trong tổng số 10.000.000đ để trong túi áo khoác treo trong phòng ngủ, anh Phùng Văn B có nghi ngờ cho Chu Văn L nên bảo con trai là Phùng Văn G đi tìm Chu Văn L để hỏi nhưng Chu Văn L bỏ chạy. Quá trình điều tra, cơ quan công an đã trả lại cho anh số tiền 1.750.000đ, còn lại 4.250.000đ nay anh yêu cầu bị cáo Chu Văn L phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho anh số tiền trên và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho cả hai bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Chu Văn L phạm Tội trộm cắp tài sản, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Chu Văn L từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù; tuyên bố bị cáo Kim Văn D phạm Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Kim

Văn D từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với cả hai bị cáo; về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 1.750.000đ do Chu Văn L và Kim Văn D giao nộp, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Phùng Văn B nên không đề cập giải quyết; về trách nhiệm bồi thường dân sự: buộc bị cáo Chu Văn L phải có trách nhiệm trả số tiền còn lại là 4.250.000đ cho anh Phùng Văn B.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo Chu Văn L và Kim Văn D đều trình bày nhận rõ hành vi phạm tội, thể hiện sự ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không có ai có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Lời khai của các bị cáo Chu Văn L và Kim Văn D tại phiên tòa hôm nay phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai các bị cáo đã khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để khẳng định: Ngày 25/12/2018 tại nhà anh Phùng Văn B, thuộc thôn Đ, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, lợi dụng khi nhà anh Phùng Văn B đi làm, không có ai ở nhà, Chu Văn L đã có hành vi lén lút lấy trộm số tiền 6.000.000đ của anh Phùng Văn B để trong túi áo khoác treo trong phòng ngủ đem đi tiêu sài cá nhân. Hành vi của bị cáo Chu Văn L đã phạm vào Tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Kim Văn D, sau khi được Chu Văn L nhờ lấy hộ số tiền 3.000.000đ Chu Văn L cất giấu tại gian bếp của quán điện tử H và được Chu Văn L đưa cho 500.000đ, mặc dù biết rõ đó là tiền do Chu Văn L trộm cắp mà có nhưng Kim Văn D vẫn nhận số tiền này từ Chu Văn L và đem tiêu sài cá nhân hết. Hành vi trên của bị cáo Kim Văn D đã phạm vào Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự. Như vậy có căn cứ khẳng định cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng truy tố bị cáo Chu Văn L về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 và truy tố bị cáo Kim Văn D về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân và làm mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực để nhận thức hành vi trộm cắp và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm có tiền tiêu sài, thỏa mãn nhu cầu vui chơi của bản thân và thể hiện sự coi thường pháp luật.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Chu Văn L và Kim Văn D phạm tội lần này là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của bản thân; tại phiên tòa bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ cho các bị cáo, do vậy các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo Kim Văn D trong quá trình điều tra đã tự nguyện nộp lại 500.000đ để khắc phục hậu quả, nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Hai bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về nhân thân: Bị cáo Chu Văn L năm 2015 bị Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng quyết định đưa vào Trường giáo dưỡng trong thời gian 02 năm theo quyết định số 09/QĐ-TA ngày 14/10/2015 của Tòa án và đã chấp hành xong từ ngày 16/10/2017. Bị cáo Kim Văn D năm 2015 bị Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản. Tuy các tiền sự trên của cả hai bị cáo đều đã được xóa nhưng xác định các bị cáo là người có nhân thân xấu.

[7] Trên cơ sở xem xét, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly cả hai bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục các bị cáo và đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa chung.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có tài sản riêng, không có nghề nghiệp và thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với cả hai bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại anh Phùng Văn B yêu cầu bị cáo Chu Văn L phải có trách nhiệm hoàn trả nốt số tiền 4.250.000đ. Xét yêu cầu của bị hại anh Phùng Văn B là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận, buộc bị cáo Chu Văn L có trách nhiệm hoàn trả cho bị hại số tiền 4.250.000đ. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Đình K yêu cầu bị cáo Chu Văn L trả tiền nợ chơi điện tử là 560.000đ, xét thấy đó là quan hệ dân sự giữa bị cáo Chu Văn L và anh Đỗ Đình K không liên quan đến vụ án, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 1.750.000đ do Chu Văn L và

Kim Văn D giao nộp trong quá trình điều tra, xác định là tiền do bị cáo Chu Văn L trộm cắp mà có, nên cơ quan điều tra đã trả lại số tiền trên cho anh Phùng Văn B, nay Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Chu Văn L. Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Kim Văn D.

Căn cứ Điều 584; 585, Điều 586; Điều 589 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Chu Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo Chu Văn L 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 27/12/2018.

2. Tuyên bố bị cáo Kim Văn D phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”: Xử phạt bị cáo Kim Văn D 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

3. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với cả hai bị cáo Chu Văn L và Kim Văn D.

4. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Chu Văn L phải có trách nhiệm trả cho anh Phùng Văn B số tiền 4.250.000đ (*bốn triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, bên có nghĩa vụ thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Chu Văn L và bị cáo Kim Văn D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo Chu Văn L còn phải chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung quỹ Nhà nước.

Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND T. Lạng Sơn;
- VKSND H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn;
- CA huyện Hữu Lũng, T. Lạng Sơn;
- Chi cục THADS H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn
- Bị cáo, bị hại, Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Thanh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND T. Lạng Sơn;
- VKSND H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn;
- CA huyện Hữu Lũng, T. Lạng Sơn;
- Chi cục THADS H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn
- Bị cáo, bị hại, Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thanh

